

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/TLST-DS.

Ngày: 10/4/2023.

Về việc: T/c hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Quang Thái.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi – Ông Nguyễn Thái Học.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P: Ông Lưu Nguyên Vũ.

Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2022/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1976 (Có mặt).

Trú tại: Xóm P, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh Ngô Văn V, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Trú tại: Xóm N, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị A khai: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 19/9/2014 (Âm lịch), anh Ngô Văn V có vay của chị số tiền 20.000.000đ để làm ăn, có viết giấy biên nhận, hẹn đến ngày 19/10/2014 sẽ trả số tiền trên cho chị. Đến hạn thanh toán, chị đã đi lại đòi nhiều lần thì anh V trả chị được 3.000.000đ vào tháng 10/2016, chị có nói là tính vào tiền lãi và anh V đồng ý số tiền 3.000.000đ này được tính vào tiền lãi.

Nay chị đã đi lại đòi anh V rất nhiều lần, nhưng anh V vẫn không trả cho chị mà chỉ khát hết lần này đến lần khác. Nay do chị tự mình không đòi được tiền đòi với anh V, chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh V phải trả cho chị số tiền gốc là 20.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật từ tháng 10/2016 đến nay.

2. Tại bản tự khai ngày 23/3/2023 anh Ngô Văn V khai: Do cần tiền kinh doanh nên ngày 19/9/2014 anh có đến nhà chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1976; trú tại: Xóm P, xã K, huyện P vay một khoản tiền là 20.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận, thỏa thuận đến ngày 19/10/2014 (âm lịch) sẽ trả hết cho chị A. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên anh mới trả cho chị được 6.000.000 đồng, còn nợ lại chị 14.000.000 đồng. Khi trả số tiền 6.000.000 đồng cho chị A, do thiếu hiểu biết nên anh chỉ đưa tay cho chị, mà không yêu cầu chị ký giấy đã nhận tiền của anh. Anh xác định chữ viết, chữ ký trên giấy vay tiền ngày 19/9/2014 là chữ viết, chữ ký của anh. Nay chị A yêu cầu anh trả chị số tiền 20.000.000đ và lãi suất thì anh cam kết sẽ trả hết số tiền trên trong năm 2023. Anh xác định đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện P giao cho mẹ anh, nhưng do anh bận đi làm nên không đến lập bản tự khai, tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, không đến tham dự phiên tòa ngày 20/3/2023 được.

Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành báo gọi; giao các văn bản tố tụng cho anh Ngô Văn V đến Tòa án để tiến hành phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng anh V không đến tham gia các phiên họp mà Tòa án triệu tập. Do đó tòa án không thể tiến hành hòa giải được giữa các đương sự. Nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm đối với vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Thẩm phán giải quyết vụ án đã tiến hành giao các Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để triệu tập vợ anh V tiến hành lấy lời khai, xác định việc anh V vay tiền của chị A có mang tiền về chi tiêu cho gia đình đối với số tiền này không, để xác định đây là khoản nợ chung của

hai vợ chồng. Có như vậy HĐXX mới ra được quyết định bản án một cách chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Xác định quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu anh Ngô Văn V trả số tiền gốc đã vay còn nợ. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là : “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành giao các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và thông báo về phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng anh V không đến tham dự các phiên họp do Tòa án nhân dân huyện P chủ trì; Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy anh V tự làm mất đi quyền phản đối đối với yêu cầu của chị A về việc yêu cầu anh V trả số tiền mà chị A kiện đòi anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã K, huyện P. Nên thuộc thẩm quyền Toà án giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Tài liệu chứng cứ: 01 đơn khởi kiện của chị A đối với anh V; 01 giấy vay tiền giữa anh Ngô Văn V với chị Nguyễn Thị A ngày 19/9/2014 (Bản gốc); 01 chứng minh nhân dân của chị A.

- Về nội dung:

[4]. Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Ngày 19/9/2014 (âm lịch), chị Nguyễn Thị A với anh Ngô Văn V có giao dịch hợp đồng vay tài sản, hai bên có lập biên bản hợp đồng vay tiền. Nội dung hợp đồng thể hiện anh V có vay của chị A số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả vào ngày 19/10/2014 (Âm lịch). Tuy nhiên do anh V không thực hiện đúng theo thỏa thuận của hợp đồng, nên chị A đã khởi kiện anh V đến Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị A xác định chị có cho anh V vay

số tiền gốc là 20.000.000đ, thỏa thuận miệng lãi suất là 1%/tháng. Đến tháng 10/2016, anh V mới trả cho chị được 3.000.000đ, chị với anh V thỏa thuận số tiền này được tính vào tiền lãi. Tại biên bản tự khai ngày 23/3/2023, anh V xác định có được vay chị A 20.000.000đ, nhưng anh đã trả cho chị được 6.000.000đ, chỉ còn nợ chị A 14.000.000 đồng. Tuy nhiên anh V xác định khi trả 6.000.000 đồng cho chị A, anh đã không yêu cầu chị A ký giấy nhận tiền của anh.

Hội đồng xét xử xác định: Việc anh V vay chị A số tiền 20.000.000đ vào ngày 19/9/2014 (âm lịch, tức là ngày 12/10/2014 dương lịch) là có thật, được thể hiện qua hợp đồng vay tiền giữa anh V đối với chị A. Chị A xác định mới chỉ được nhận 3.000.000đ tiền lãi của anh V vào tháng 10/2016. Nay chị yêu cầu anh V phải có trách nhiệm trả anh số tiền 20.000.000đ tiền gốc và lãi suất là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị. Buộc anh V phải trả lại cho chị số tiền gốc và lãi suất là 0,85%/tháng, được tính từ tháng 10/2016 đến thời điểm xét xử, cụ thể:

$20.000.000\text{đ tiền gốc} \times 0,85\%/\text{tháng} \times 88 \text{ tháng} = 14.960.000\text{đ tiền lãi}.$

Tổng cộng: 34.960.000đ; Trong đó 20.000.000đ tiền gốc và 14.960.000đ tiền lãi.

Về việc anh V xác định đã trả cho chị A số tiền là 6.000.000đ, nhưng anh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào xác định chị A đã nhận số tiền trên của anh. Nên Hội đồng xét xử bác ý kiến này của anh.

[5]. Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để triệu tập vợ anh V tiến hành lấy lời khai, xác định việc anh V vay tiền của chị A có mang tiền về chi tiêu cho gia đình đối với số tiền này không, để xác định đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng. Có như vậy HĐXX mới ra được quyết định bản án một cách chính xác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tiền ngày 19/9/2014 (âm lịch, tức là ngày 12/10/2014 dương lịch) là hợp đồng giữa cá nhân của anh V đối với chị A, không liên quan gì đến vợ anh V. Tại phiên tòa, chị A xác định cho anh V vay tiền chứ không cho vợ anh V vay, chị chỉ kiện đòi tiền đối với anh V, không đòi tiền với vợ anh V. Việc Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tạm dừng phiên tòa để lấy lời khai đối với vợ anh V là không cần thiết, chỉ làm kéo dài thời gian xét xử. Nên HĐXX bác yêu cầu này của Kiểm sát viên về việc tạm dừng phiên tòa để tiến hành lấy lời khai của vợ anh V.

[6]. Về án phí: Buộc anh Ngô Văn V phải nộp án phí DSST vào Ngân sách nhà nước, hoàn trả cho chị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227; 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A: Buộc anh Ngô Văn V phải có trách nhiệm trả cho chị A số tiền là 34.960.000đ (Ba mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi ngàn đồng); Trong đó 20.000.000đ tiền gốc và 14.960.000đ tiền lãi.

2. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh V không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

- Anh V phải nộp 1.748.000 đồng án phí DSST có giá ngạch vào ngân sách Nhà nước.

- Chị Nguyễn Thị A được hoàn lại số tiền 475.000đ tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 0002946 ngày 13/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị A, vắng mặt anh V. Báo cho chị Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Ngô Văn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Quang Thái